

Bản án số: 23/2021/DS - ST.

Ngày: 29 - 3 - 2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực;

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-DS ngày 04/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST - DS, ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Kim H, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh Phong), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của ông T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Kim Hoàn trình bày: Bà Bùi Kim H có tham gia 04 dây hội (chứng hội) do bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T) làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội mở ngày 05/4/2019 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 23 phần hội, trong dây hội này bà Bùi Kim H tham gia 02 phần và đóng được 16 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hội. Tổng số tiền hội bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong dây hội này là 32.000.000đồng.

Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 15/5/2019 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 26 phần hội, trong dây hội này bà Bùi Kim H tham gia 01 phần và đóng được 14 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong dây hội này là 14.000.000đồng.

Dây hội thứ ba: Hội mở ngày 29/6/2019 âm lịch, loại hội 2.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 24 phần hội, trong dây hội này bà Bùi Kim H tham gia 01 phần và đóng được 13 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hội nữa. Tổng số tiền hội bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong dây hội này là 26.000.000đồng.

Dây hội thứ tư: Hội mở ngày 10/8/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000đồng /chung, một tháng khui một lần, gồm 26 phần hội, trong dây hội này bà Bùi Kim H tham gia 01 phần và đã hót, số tiền được hót là 22.500.000đồng, bà B đã giao cho bà H 8.000.000đồng. Tổng số tiền hội bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong dây hội này là 14.500.000đồng.

Tổng số tiền hội hiện nay bà B còn nợ bà H là 86.500.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hội là 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng) cho bà Bùi Kim H.

- *Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 06 tháng 11 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Ngọc B và bà B cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T, trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về việc bà B có đứng ra làm chủ hội 04 dây hội theo các hợp đồng góp hội như nội dung khởi kiện của bà Bùi Kim H là đúng. Bà B thừa nhận hiện nay tổng số tiền hội bà còn nợ bà H là 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng). Đối với số tiền nợ hội này bà và chồng là ông Nguyễn Thanh T đồng ý cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H vì đây là khoản nợ chung của bà và ông T. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh gia đình bà và T đang gặp khó khăn về vấn đề kinh tế nên bà và ông T xin được trả dần số tiền nợ hội này cho bà H với phương thức mỗi tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

- *Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:* Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy

định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, hiệu, phùng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui là 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2020 nguyên đơn bà Bùi Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn là bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Kim H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Bích và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền hụi là 83.000.000 đồng cho bà. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Kim H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H và bị đơn bà Nguyễn Ngọc B và bà B cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T đều thống nhất xác định bà H có tham gia 04 dây hụi (chung hụi) do bà B làm chủ hụi, cụ thể: Dây hụi thứ nhất: Hụi mở ngày 05/4/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 23 phần hụi, trong dây hụi này bà Bùi Kim H tham gia 02 phần và đóng được 16 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong dây hụi này là 32.000.000đồng; Dây hụi thứ hai: Hụi mở ngày 15/5/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 26 phần hụi, trong dây hụi này bà Bùi Kim H tham gia 01 phần và đóng được 14 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong dây hụi này là 14.000.000đồng; Dây hụi thứ ba: Hụi mở ngày 29/6/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000đồng/chung, một tháng khui một lần, gồm 24 phần hụi, trong dây hụi này bà Bùi Kim H tham gia 01 phần và đóng được 13 lần. Đến ngày 29/6/2020 âm lịch bà B tuyên bố không khui hụi nữa. Tổng số tiền hụi bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong dây hụi này là 26.000.000đồng; Dây hụi thứ tư: Hụi mở ngày 10/8/2018 âm lịch, loại hụi

1.000.000đồng/chung, một tháng khai một lần, gồm 26 phần hội, trong đây hội này bà Bùi Kim H tham gia 01 phần và đã hót, số tiền được hót là 22.500.000đồng, bà B đã giao cho bà H 8.000.000đồng. Tổng số tiền hội bà B còn nợ bà Bùi Kim H trong đây hội này là 14.500.000đồng. Tổng số tiền hội hiện nay bà B còn nợ bà H là 86.500.000đồng, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bà B và ông T cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 83.000.000đồng, bà B hoàn toàn thống nhất khoản nợ này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định việc giao kết hợp đồng góp hội giữa bà H và bà B là có thật, hiện nay bà B còn nợ bà H số tiền nợ hội là 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

[4] Xét về hợp đồng góp hội giữa bà H và bà B thì tại thời điểm xác lập hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, 8, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phường nên các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. Do bà B không giao tiền đối với đây hội bà H đã hót cũng nhưng tự ý tuyên bố ngưng mở hội đối với các đây hội trên vào ngày 29/6/2020 âm lịch, do đó bà B đã vi phạm thỏa thuận nên việc bà H yêu cầu bà B hoàn trả số tiền hội là 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà H buộc bị đơn là bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T (chồng bà B) cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ là 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà B và bà cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông T xác định đây là khoản nợ chung của bà B và ông T vì tại thời điểm xác lập hợp đồng góp hội với bà H thì bà và ông T vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Mặc dù việc bà đứng ra làm chủ hội mục đích sinh lợi từ tiền huê hồng nhằm phục vụ chi tiêu trong cuộc sống gia đình hàng ngày do đó căn cứ vào Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình việc nguyên đơn yêu cầu bà B và ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hội 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với việc bà B yêu cầu được trả dần số tiền nợ hội là 83.000.000đồng (Tám mươi ba triệu đồng) với phương thức mỗi tháng trả 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ cho Hoàng. Nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu bà B và ông T trả đủ một lần số tiền nợ này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T phải chịu 4.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Bùi Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 7, 8, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 23, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hộ, hộ, biên, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Kim H buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh Phong) có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà H số tiền nợ hộ là 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Bùi Kim H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà B và ông T phải trả lãi cho bà H đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.162.500 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007266 ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T cùng có nghĩa vụ liên đới phải chịu 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo